



TINH THẦN VIỆT

Võ Sư Trịnh Ngọc Minh

Mỗi dân tộc có một tinh thần riêng, một sắc thái riêng và một số đặc tính riêng. Mặc dầu không thể nhất thời khẳng định rõ rệt những đặc thù này, nhưng nếu có sự so sánh cụ thể ngay với những dân tộc khác, tinh thần của mỗi dân tộc sẽ nổi bật.

Ví dụ dưới đây chưa hẳn hoàn toàn chính xác nhưng cũng gợi lên vài nét điển hình phù hợp với một số dân tộc.

Sau một vụ đắm tàu, có 2 người đàn ông và một người đàn bà sống sót, lạc trên hoang đảo.

- Nếu đó là hai người Mỹ: Họ sẽ cùng người đàn bà bỏ phiếu một cách rất Dân Chủ để xem người đàn bà đó thuộc về ai. cuối cùng: Nếu ai được 60 phần trăm số phiếu sẽ thắng. Hoặc nếu mỗi người chỉ được 50 phần trăm số phiếu (vì người đàn bà bỏ thăm trắng), người đàn bà sẽ là vợ chung của hai người.
- Nếu đó là hai người Anh: Họ sẽ thảo luận với nhau thật lâu, rồi cuối cùng thông báo cho người đàn bà biết là y thị đã trở thành Tài Sản Công Cộng của hai người.
- Nếu đó là người Pháp: Họ sẽ bắt thăm dành quyền ưu tiên với từng thời hạn nhất định.
- Nếu đó là người Đức: Họ bắt buộc phải thanh toán nhau với mục đích chiếm hữu người đàn bà.

- Nếu đó là hai người Ý: Họ sẽ thi đua chiều chuộng người đàn bà và kẻ nào được người đàn bà có cảm tình nhất sẽ là ý chung nhân của nàng
- Nếu đó là hai người Nhật: Họ sẽ cùng nhau hợp tác với người đàn bà trong việc đóng bè vượt biển vào đất liền.
- Nếu đó là hai người Tàu: Họ cũng cùng nhau hợp tác với người đàn bà trong việc đóng bè vượt biển về đất liền. Nhưng cuối cùng, chỉ còn 1 trong 2 người đàn ông là còn sống, cùng với người đàn bà duy nhất.
- Còn, nếu đó là hai người đàn ông Việt Nam thì sao?

Vấn đề này thật phức tạp và tế nhị, chưa ai dám phỏng định.

Nhưng rất có thể là có 1 giải pháp dung hòa cả trường hợp hai người Nhật và hai người Tàu: Hai người đàn ông đó sẽ vừa học hặc vừa hợp tác với nhau trong cả đời sống thực tại và công việc đóng bè vượt biển vào đất liền. Sau đó, họ lại tiếp tục vừa hợp tác vừa chia rẽ với nhau trong nhiều công việc kế tục.

Tự trung, thứ tình thân kết hợp kỳ dị này đã phản ánh rất nhiều yếu tố từ nhân dáng và tính tình, tức thuộc thể chất và tâm hồn (vì nhân dáng - thể chất có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới tính tình - tâm hồn).

Chúng ta cùng tìm hiểu người Việt điển hình về cả khía cạnh: nhân dáng và tính tình.

A. VỀ NHÂN DÁNG:

Qua nhận định của một số sử gia và học giả, nhân dáng người Việt có những đặc thù:

1. Da vàng, nhưng dễ ngả sang màu bánh mật khi làm lụng vất vả, dầm mưa dãi nắng (Da bánh mật, quật không chết).
2. Tầm vóc trung bình, vào khoảng 1m 60 (tương đối nhỏ hơn các dân Ấn Độ - Trung Hoa)
3. Khuôn mặt tương tự như những người Á đông, nhưng mắt hơi đen sếch về phía đuôi (không sếch hẳn như người Mông Cổ), lớn hơn người Nhật Bản, Đại Hàn, Trung Hoa, nhưng nhỏ hơn mắt người Ấn Độ, Mã Lai, Miến Điện.
4. Dáng điệu: Nhẹ nhàng và khoan thai.

B. VỀ TÍNH TÌNH

(theo Việt Sử Toàn Thư: Phạm Văn Sơn và Người Việt Đất Việt của Toan Ánh)

1. Óc thông minh, nhớ dai
2. Có óc nghệ thuật
3. Khéo tay chân
4. Giàu trực giác (hơn là luận lý)
5. Ham thích đạo đức và văn chương (trọng ân nghĩa)
6. Lễ phép và biết ơn

7. Chuộng hòa bình
8. Giàu lòng hy sinh
9. Cần cù, nhẫn nại (với người lao động)
10. Có sức chịu đựng những việc nặng nhọc rất bền bỉ (nhất là các đồng bào miền Bắc)
11. Khi ra trận: Kỷ luật và quả cảm (thành phần nông dân)
12. Đa cảm

Người dân trung lưu và hạ lưu:

13. Nông nổi, thiếu kiên nhẫn
14. Háo danh, thích phô trương, hay khoe khoang, kiêu ngạo, khoác lác
15. Mê cờ bạc, thích chơi bời
16. Tin ma quỷ, thần thánh, sùng cúng bái nhưng không nhiệt tin tôn giáo nào cả.
17. Ham kiện cáo
18. Tinh vặt
19. Quỷ quyệt
20. Lúc thường có vẻ như nhút nhát, khiếp sợ với nếp sống Dĩ Hòa Di Quý

Như vậy qua 20 đặc điểm về tính tình của người Việt, chúng ta có 12 đặc điểm về tính tốt (từ 1 đến 12) và 8 đặc điểm về tính xấu. Điều đáng ghi nhận ở đây là, đa số những đặc điểm về tính tình xấu được dành cho giới trung lưu và hạ lưu, có lẽ vì các luận giả quá đề đặt với giới thượng lưu, vì thật ra, giới thượng lưu cũng không thua kém những đặc điểm về tính tình xấu (nếu không muốn nói còn nhiều hơn, so với các giới khác, qua thanh ngữ (no cơm ấm cật đậm dật khắp nơi). Thêm nữa, những đặc điểm về tính tình tốt so với những đặc điểm về tính tình xấu nhiều khi tương phản, như Chuộng hòa bình mà lại kỷ luật quả cảm khi ra trận, hoặc đã ham thích đạo đức và có tập quán lễ phép và biết ơn mà lại tinh vặt, quỷ quyệt v.v.. thoát nghe tưởng như vô lý, nhưng đó chính là sự hữu lý của tính bất toàn của con người đối với bất cứ dân tộc nào.

Chúng ta lần lượt đi sâu vào cuộc khảo nghiệm tinh thần Việt qua các khía cạnh: bản chất, bản tính, vũ trụ quan và nhân sinh quan của người Việt.

I. BẢN CHẤT CỦA NGƯỜI VIỆT:

Qua bản sắp xếp trên, chúng ta thấy những đặc điểm 1, 2, 3, 4, 12 được ghi nhận bản chất của người Việt, trong lúc các đặc điểm 5, 6, 7, 8, 14 thuộc bản tính, đặc điểm 16 thuộc vũ trụ quan, các đặc điểm 9, 10, 11, 15, 17, 18, 19, 20 thuộc về nhân sinh quan.

Chúng ta cùng khảo nghiệm lại 5 đặc điểm về bản chất của người Việt:

1. Thông minh: Người Việt thông minh? Sự thông minh này được kiểm chứng ra sao, khi người Việt chưa có những phát minh nào đáng kể, ngoại trừ sự khám phá và trị liệu về bệnh ung thư của giáo sư Bửu Hội.

Nhất là, nếu so sánh với bộ óc của người Nhật đã được xác nhận là thông minh nhất trên thế giới, sự thông minh của người Việt có bao nhiêu giá trị?

Nhưng, nếu đòi hỏi sự kiểm chứng của sự thông minh bằng kiến văn, thì quả thật một quốc gia nông nghiệp với đại đa số là nông dân, lại chưa thanh toán xong nạn mù chữ trong nước, làm sao có thể minh xác bằng những dẫn chứng cụ thể?

Thật ra, sự thông minh của người Việt có thể kiểm chứng được trên mọi lãnh vực: quân sự (binh pháp Triệu Quang Phục, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo), văn hoá (Mạc Đĩnh Chi, Lương Thế Vinh, Cống Quỳnh ...) kinh tế tài chánh (Trần Hưng Đạo, Nguyễn Công Trứ, Hồ Quý Ly...) Giao thông (phát minh tàu ngầm của Võ Duy Thanh). Nhưng khác với các quốc gia tiên tiến luôn luôn khích lệ và bồi dưỡng nhân tài, Việt Nam vì không có khuyến lệ này, nên đã làm uổng phí một số tài nguyên quan trọng của đất nước. Về một phương diện khác, sự thông minh của người Việt thiên về trực giác hơn là lý trí, nên không thể lấy lý trí ra để đối chiếu, kiểm chứng.

Ví dụ: Chúng ta thường chê người Tàu là Ngô Nghê (ngô nghê như chúa Tàu thối kèn), hoặc người Mỹ là gà tồ, không phải là khẳng nhận về sự mẫn tuệ về trực giác của họ không bằng người Việt

2. Có óc nghệ thuật: Trên mọi lãnh vực văn học, nghệ thuật, kiến trúc, người Việt thường tỏ ra có đặc khiếu nghệ thuật, về cả 2 loại: nghệ thuật sáng tạo và nghệ thuật mô phỏng (tái tạo)

3. Khéo tay chân: Nhất là về phương diện thủ công nghiệp và các ngành thủ công, nữ công, gia chánh (nón bài thơ, lụa Hà Đông, điêu khắc, thủ ấn hoạ ...)

4. Giàu trực giác: Tức linh tính, thuộc giác quan thứ sáu. Lời nói ẩn ngữ của Trạng Trình, Nguyễn Bình Khiêm, sự hấp thụ phong thủy học mau lẹ của Tả Ao Tiên Sinh, phản ứng mau lẹ của cậu bé chần trâu Đinh Bộ Lĩnh, cậu bé Lương Thế Vinh ... chính là sự phản ảnh của đặc tính giàu trực giác của người Việt.

5. Đa cảm: Do ảnh hưởng địa lý, tùy thuộc vùng nhiệt đới nhưng nhiều núi, gần biển nên tâm hồn khoáng đạt, ảnh hưởng rất nhiều vào đời sống thực tế.

Tóm lại: bản chất của người Việt nhiều ưu điểm hơn nhược điểm, đã là nguồn gốc cho những sắc thái đặc biệt của tinh thần Việt.

II. BẢN TÍNH CỦA NGƯỜI VIỆT

Có 6 sắc thái đặc biệt về bản tính của người Việt:

1. **Ham thích đạo đức và văn chương:** Bản tính này được thể hiện 2 yếu tính
 - Luân lý Việt Nam rất khắc khe: Anh em họ xa bốn đời lấy nhau còn bị phê phán nghiêm khắc, trong khi người Tàu anh em con cô, con cậu, con dì, con bác đã

được phép lấy nhau. Người Tây Phương anh em chú bác có thể được quyền làm lễ hôn phối.

- Do ảnh hưởng của nền giáo dục: từ chương và bản tính mơ mộng lười suy luận, từ một người dân thất học tới hạng người trưởng giả, đều thích nói chuyện đạo đức và ưa nói chuyện văn chương vắn điệu, cả lúc làm việc đồng áng, gĩa gạo hay nghỉ ngơi (các điệu hò Bắc Trung Nam).
- 2. **Lễ phép và biết ơn**: Phản ảnh truyền thống đạo đức của dân tộc. Ví dụ: Mặc dầu chống Hán (thời Bắc thuộc), nhưng vẫn thủ lễ và tri ân các vị quan thời Hán đạo đức và thương dân như: Tích quang, Nhâm Diên; hoặc mặc dầu chống Pháp, nhưng vẫn biết ơn những người Pháp tài đức như Pasteur, Yersin.
- 3. **Chuộng Hòa Bình**: Đa số người Việt đều thích an phận thủ thường, nhưng khi dồn vào thế tự tồn, họ sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ quyền sống. Các cuộc quật khởi trong các thời đại ngoại thuộc và các cuộc chiến đấu chống ngoại xâm đã chứng tỏ.
- 4. **Giàu lòng hy sinh**: Do ảnh hưởng luân lý tập quán theo tinh thần; tôi trung, cha tử, con hiếu, vợ hiền, dâu thảo.
- 5. **Háo danh, thích phô trương**: Điển hình: Việc ân tứ phẩm hàm trong các triều đại, với những người hữu công và những trường hợp cho chuộc bằng tiền mặt cho các phạm nhân bị tội lưu đầy (xuy) thời Lê. Tới nay, vẫn không thiếu những người thích mua danh, bán chữ, phóng tài hóa thu nhân tâm để được tiếng khen.
- 6. **Nông nổi, thiếu kiên nhẫn**: Sắc thái này phù hợp với đẳng cấp trưởng giả hơn với đại chúng nông dân, vốn là những người quen chịu đựng mưa nắng của một xứ lấy nông nghiệp làm cơ bản.

III. VŨ TRỤ QUAN CỦA NGƯỜI VIỆT

Cao hơn bản chất và bản tính, chính là vũ trụ quan và nhân sinh quan của người Việt.

Vũ trụ quan tạo ra đức tin và hình thành tín ngưỡng. Nhân sinh quan tạo ra quan niệm làm việc và hưởng thụ.

Như vậy, vũ trụ quan của người Việt Nam ra sao? Độc thần hay đa thần? Đơn giản hay phức tạp?

Nếu độc thần, tại sao Việt Nam chưa có một quốc giáo. Nếu đa thần sao còn có tôn giáo nhất niệm (ví dụ: Phật giáo Hòa Hảo) được tôn sùng? Hoặc nếu khắc nghiệt một chút, cho rằng người Việt còn ở tình trạng ấu trĩ như một số bộ tộc chậm tiến Phi Châu chưa thoát khỏi trình độ ấu trĩ thờ linh tượng (totem) như cái cây, cục đá, một người đã chết (thần ăn mày, một vị anh hùng đã khuất ...) cũng có thể đúng phần nào.

Nhiều người ngoại quốc, trong đó đặc biệt có cả bà Ngô Đình Nhu, đã cho rằng đại đa số người Việt theo đạo thờ Cúng Tổ Tiên hoặc đạo thờ Ông Bà cũng có cái lý của họ. Thật ra, không phải chỉ riêng dân tộc Việt Nam có tục lệ thờ cúng tổ tiên, hoặc nếu cho rằng vì

ảnh hưởng Nho Giáo nên thờ cúng tổ tiên (Ông, Bà), thì trên thực tế, không phải chỉ có những nước chịu ảnh hưởng của Nho Giáo mới biết thờ cúng tổ tiên.

Như vậy, vũ trụ quan của người Việt có những đặc điểm gì ảnh hưởng quan trọng đến tinh thần Việt?

Tựu trung, vũ trụ quan của người Việt có 3 đặc tính:

1. Đặc tính tam nguyên: Được kết hợp do 3 nguyên tố: Trời (Thiên đạo), Người (nhân đạo, gồm cả người sống và người chết) và Đất (địa đạo, dưỡng sinh, nuôi sống). Trong đời sống bình thường, những thành ngữ Trời, Trời Đất, Chèng đét, có trời cũng có ta... chính là biểu tượng của nguyên tố tam nguyên.
2. Đặc tính quán hợp: Do địa thế, Việt Nam thường xuyên tiếp nhận và du nhập các tư trào văn hóa ngoại nhập, miễn là phù hợp với đặc tính tam nguyên của Việt Nam: Trời, Người, Đất.
3. Đặc tính Việt hóa: Tất cả những tư trào du nhập đều được Việt Hóa, từ tôn giáo, ngôn ngữ, văn tự.

Ví dụ: Savon: Sà Bông

Porte Feuille: Bóp

Porte cigarette: Bót (thuốc lá)

IV. NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI VIỆT

Nhân sinh quan của người Việt được biểu lộ điển hình nhất bằng quan niệm làm việc và quan niệm hưởng thụ. Bình thường, người Việt có vẻ hiền lành, nhút nhát, khiếm nhược, nhưng lúc bị dồn nén, họ lại tỏ ra quả cảm và kiêu dũng (hiền mà cục). Nhiều giai đoạn lịch sử đã chứng minh điều đó, đại đa số những chiến công và danh nhân trong Việt sử đều ở trong trường hợp này: Nhà Trần bị kích động mạnh mẽ về quốc họa diệt tộc nên đoàn kết kháng nguyên, dân chúng thời Minh bị đàn áp, bóc lột cùng kiệt nên kháng Minh giành độc lập, loạn lạc triền miên, xã hội đói trụy, loại trừ ba anh em Nhạc - Húc - Lữ nên có nhà Tây Sơn khởi nghĩa. Những trường hợp tuần tiết, tuần quốc, tuần đạo thường xảy ra nhan nhản trong lịch sử: Trần Bình Trọng, Lê Lai, Võ Tánh, Hoàng Diệu, Phan Thanh Giản ...

Sự mâu thuẫn này bắt nguồn từ nhu cầu tự tồn và đôi khi, từ mặc cảm bị trị của một dân tộc luôn luôn bị dồn vào thế tự vệ trước thiên nhiên, thù trong, giặc ngoài và phát triển để tự tồn, nên lâu ngày đã trở thành một thói quen, một nếp sống đặc biệt của tinh thần Việt.

A. QUAN NIỆM LÀM VIỆC:

Nếp sống truyền thống này được thể hiện ở quan niệm làm việc của người với 4 đặc tính.

1. Cần cù nhẫn nại: Nhất là với quảng đại quần chúng bình dân. Tuy nhiên, mức độ cần cù nhẫn nại của người Việt còn thua người Tàu (nhất là Hoa kiều hải ngoại), tuy còn cao hơn rất nhiều sắc dân khác tại Á Châu.
2. Có sức chịu đựng nặng nhọc bền bỉ: Do ảnh hưởng địa lý thời tiết, và nông nghiệp tạo nên.
3. Khi ra trận: Kỷ luật, quả cảm: đã được chứng tỏ trong mọi thời kỳ nguy biến quá khứ và hiện tại.
4. Lúc thường: Có vẻ nhút nhát, khiếp sợ với nếp sống dĩ Hòa Vi Quý.

Đây là một sắc thái đặc biệt của người Việt, khác hẳn sắc thái kỷ luật, quả cảm khi ra trận, khiến nhiều người ngoại quốc có thể hiểu lầm tinh thần Việt. Sắc thái này được biểu hiện từ quá trình lịch sử: đa số những cuộc đấu tranh của người Việt chỉ là những cuộc chiến đấu tự vệ, ngoại trừ những cuộc Nam Tiến vừa mang ý nghĩa tự vệ (với giặc Nam: Chiêm Thành, Chân Lạp, Bồn Mang), Vừa mang ý nghĩa khai quốc để tự tồn (thành kế hoạch từ thời Nguyễn Hoàng: Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân). Chính vì sự hiểu lầm này, nên nhiều khi các thế lực ngoại bang phải trả giá quá mắc, khi đánh giá quá thấp tinh thần người Việt.

B. QUAN NIỆM HƯỞNG THỤ:

Cũng do ảnh hưởng của địa lý và nông nghiệp, nên người Việt có một nếp sống hưởng thụ khác hẳn khi làm việc. Do chính là quan niệm tổng hợp tế nhị: Nhưng thiếu dứt khoát, lúc thì Làm ra làm, chơi ra chơi, lúc thì **Trong làm có chơi, trong chơi có làm: Tháng giêng ăn tết ở nhà, tháng hai trồng đậu, tháng ba hội hè....**

Do đó, lúc hưởng thụ, người Việt có một nếp sống phóng túng đặc biệt tới mức có thể trở thành tật xấu như: Mê cờ bạc, thích chơi bời, ham kiện cáo, tinh vặt và quỵ quyết.

- Mê cờ bạc, thích chơi bời: mặc dầu đây là tệ đoan không dân tộc nào tránh khỏi nhưng đặc biệt với người Việt, sắc thái này trở thành phổ thông với mọi đẳng cấp xã hội. Ví dụ: Lối chơi số đề hiện nay, phổ biến tới tận hang cùng ngõ hẻm. Nhất là đối với đồng bào miền Trung: Thích tranh đấu cộng đồng, nhưng cũng mê cờ bạc hơn ai hết (báo chí bán chạy ở miền Trung đều vừa cổ xúy tranh đấu hăng, vừa bán số đề).

- Ham kiện cáo: Nhất là với các tầng lớp trung lưu, phản ảnh đặc thái của một dân tộc đa cảm và ưa đấu lý.

- Tinh vặt: Vì trí thông minh không được khích lệ bằng những công việc có tính cách tập thể, nên chỉ hiểu ngầm với hình thức tinh vặt.

- Quỵ quyết: Do phản ứng tất hữu của kẻ yếu trước kẻ mạnh đồng thời cũng là sự biểu hiện trí thông minh bị kiềm chế, không có sự khuyến khích phát triển.

V. ƯU ĐIỂM VÀ KHUYẾT ĐIỂM CỦA NGƯỜI VIỆT:

Qua bản nhận định và phân tích trên, chúng ta thấy rõ là người Việt có 12 phẩm tính tốt và 8 phẩm tính xấu - hoặc nói đúng hơn, là 12 ưu điểm và 8 nhược điểm. Đó là một trạng thái tất nhiên, của bất cứ dân tộc nào, chủng tộc nào: Hơn cái này lại sút kém cái nọ và ngược lại.

Tuy nhiên, sự khẳng định ưu điểm và nhược điểm cũng không phải là một vấn đề thuần lý và đơn giản. Như các ưu điểm khéo tay chân giàu trực giác, đa cảm, ham thích đạo đức văn chương ... lại có thể dễ dàng bị coi là nhược điểm nếu được nhận định bằng một nhãn quan thực tế và hiện đại: Người khéo tay chân cũng đồng thời là người giỏi về tiểu xảo, thích tiểu xảo, không quen với nếp sống cơ chế hóa, đại qui mô, kế hoạch hóa người giàu trực giác và đa cảm cũng có thể hiểu theo nghĩa kém suy luận (lý trí) và không có quan niệm sống (Conception de Vivre) và quan niệm cảm nghĩ (conception de penser) hợp lý và thực tế; cũng như người ham thích đạo đức và văn chương rất có thể là người thiếu thực tế và không tưởng.

Do đó sự khẳng định về ưu điểm và nhược điểm của người Việt có tính cách tương đối; nên sự phê bình, sự khẳng định cũng chỉ có giá trị tương đối. Đó là ý thức đầu tiên của chúng ta khi tổng hợp và phân tích tinh thần Việt (cả ưu điểm và nhược điểm) trên ba khía cạnh:

- Nhận thức về sự tương hội ưu điểm và nhược điểm của người Việt.
- Lượng giá các nhận định ngoại quan điển hình về người Việt.
- Tinh thần Việt hiện đại.

A. NHẬN THỨC VỀ ƯU ĐIỂM VÀ NHƯỢC ĐIỂM CỦA NGƯỜI VIỆT:

Qua sự phân tích 20 phẩm tính của tinh thần Việt, chúng ta thấy nổi bật lên 3 đặc điểm dưới đây:

1. Người Việt trọng những giá trị tinh thần thực dụng:

Ham thích văn chương, lễ pháp và biết ơn, giàu lòng hy sinh, sao lại ham kiện cáo, tình vật, quý quý?

Tin ma quỷ, sùng cúng bái, sao lại không nhiệt tin ở một tôn giáo nào cả?

Đó chính là những điểm đồng quy của giá trị tinh thần thực dụng của người Việt, biết phối hợp với thực tế, để đạt tới một kết ước dung hòa, hầu có thể thích ứng với mọi hoàn cảnh mọi trường hợp. Do đó, chúng ta mới thấy những đặc điểm tưởng như tương phản, nhưng thật ra là những điểm luôn luôn hỗ trợ nhau, để đạt tới một giá trị tinh thần thực dụng. Giá trị tinh thần thực dụng này được biểu hiện ở những đặc điểm:

a. Tuy ham thích đạo đức văn chương, lễ phép và biết ơn, giàu lòng hy sinh, nhưng luôn luôn tự cảnh giác và có thái độ thích ứng với mọi nghịch cảnh, để thoát ra khỏi mọi

trường hợp bị lừa bịp, giả trá. Ví dụ: Trường hợp xâm lăng của Trương Phụ với chiêu bài: **Phù Trần diệt Hồ**, trường hợp xâm lăng của Tôn Sĩ Nghị với chiêu bài: **phù Lê diệt Tây Sơn**. Trường hợp của Trương Phụ đã làm dân tộc Việt Nam phải trả giá quá đắt nhưng vẫn chưa đủ cảnh giác cho một số cự thần thời Lê và nhân sĩ Bắc Hà muốn cầu viện Mãn Thanh. Do đó, Quang Trung đại đế phải dành cho họ một thời gian đủ để tỉnh ngộ trước sự lộng ngược của quân Thanh, trước khi có phản ứng quyết định bằng trận Đống Đa năm Kỷ Dậu (1789). Thái độ Quang Trung đại đế phải chăng là thái độ tỉnh vật, quý quýệt? Hoặc cùng với trường hợp sai Nguyễn Quang Thục làm Giả Vương sang Tàu xin cầu phong, phải chăng đó đích thực là bằng chứng của đặc điểm tỉnh vật, quý quýệt của người Việt? Cũng như trường hợp Công Quỳnh, Đoàn Thị Điểm với nhiều pha trêu nghịch sứ Tàu, phải chăng đó cũng là những bằng chứng của đặc điểm tỉnh vật, quý quýệt? Hoặc giả, nếu không có đặc điểm này, liệu dân tộc Việt Nam còn có thể đứng vững trước một kẻ mạnh Tinh Vật và Quý Quýệt hơn mình được không?

Do đó, nếu nhìn với một cảm quan tốt, ta sẽ thấy là thông minh, tháo vát, ứng biến, nhưng nếu với một thành kiến xấu, chúng ta sẽ thấy đó đúng là Tinh Vật và Quý Quýệt.

b. Tính ham kiện cáo cũng ở trường hợp này: Nếu bảo sự việc kiện cáo là biểu hiện tính ham gây gổ, kèn cựa và úy ty, cũng được.

c. Giá trị tinh thần thực dụng còn được biểu hiện rõ rệt hơn nữa ở ý thức tôn giáo đa nguyên của người Việt (tin ma quỷ, sùng bái, nhưng không nhiệt tin ở một tôn giáo nào cả): Thần thánh nào cũng được, sẵn sàng Tin tất cả - tức không nhiệt tin ở một tôn giáo nào cả, vì coi các sức mạnh siêu hình và vô hình chỉ là những động cơ hỗ trợ cho đời sống thực tiễn của con người. Do đó, chúng ta thường thấy: người Công Giáo sẵn sàng tin ở bói toán, người Phật Giáo sẵn sàng tham dự các lễ tiết Công Giáo ... Trên thực tế, cao độ của thực trạng này là tinh thần tam giáo đồng nguyên biểu hiện từ thời Trần, và gần đây hơn cả là, tinh thần Cao Đài phối hợp thêm cả tinh lý Công Giáo. Ngoài ra, các giá trị khác về phẩm tính người Việt như có **óc nghệ thuật, khéo tay chân, giàu trực giác, đa cảm, cần cù nhẫn nại** chỉ là những minh chứng cho giá trị tinh thần thực dụng của người Việt được biểu hiện trong đời sống thực tế.

- Thông minh, tháo vát, ứng biến nhanh (hoặc: Tinh vật, quý quýệt)
- Có óc nghệ thuật
- Khéo tay chân
- Giàu trực giác
- Đa cảm
- Ham thích đạo đức văn chương
- Lễ phép và biết ơn

- Có ý thức tôn giáo đa nguyên thực dụng (hoặc tin ma quỷ, sùng cúng bái, nhưng không nhiệt tin ở một tôn giáo nào cả)
- Cần cù nhẫn nại.

Giá trị tinh thần thực dụng của người Việt được biểu hiện ở thành ngữ: quân tử phòng thân, tiểu nhân phòng bị gây, để đáp ứng mọi nhu cầu sinh tồn của dân tộc Việt từ trước đến nay.

2. Ý thức dân tộc cao: hiếu hoà, nhưng luôn luôn sẵn sàng chiến đấu để tự tồn.

Cũng qua 20 đặc tính kể trên, chúng ta còn thấy một đặc điểm này nổi bật: Ý thức dân tộc của người Việt cao, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu để tự tồn, trong mọi trường hợp, mọi hoàn cảnh.

Chính nhờ ý thức này dân tộc ta chẳng những đã không gặp phải thảm họa diệt vong như Chiêm Thành, Bồn Man, không bị mất đất như Chân Lạp mà còn mở rộng thêm lãnh thổ về phương Nam, theo chiều hướng Nam Tiến.

Các đặc tính biểu hiện ý thức dân tộc này gồm có:

- Chuộng hòa bình, luôn hiếu hòa
- Giàu lòng hy sinh, vị tha
- Cần cù nhẫn nại
- Có sức chịu đựng nặng nhọc bền bỉ
- Khi ra trận kỷ luật, quả cảm (tuy lúc thường có vẻ nhút nhát, khiếp sợ với nếp sống dĩ hòa di quý).

Áp dụng các đặc tính trên vào thực tế lịch sử, chúng ta thấy rõ là, hơn bất cứ dân tộc nào hết, dân tộc Việt Nam luôn luôn muốn hòa với Trung Quốc ở phương Bắc, và chỉ động binh với các dân tộc ở phía Tây và phía Nam khi bị đặt trước tình trạng bắt buộc phải chiến đấu để tự vệ. Thời Lý, phải đánh Tống để tự vệ, sau đó sẵn sàng hòa giải sau trận phục thù Như Nguyệt (1076) bất phân thắng bại. Thời Trần, sau 3 lần đại phá Mông Cổ, Trần Nhân Tông cũng sai sứ (Đỗ Thiên Thu) sang Tàu cầu hòa và xin cống hiến như trước. Thời Lê sau khi Lê Lợi dẹp xong quân Minh (1428), vẫn phải hai ba lần sai sứ sang Tàu cầu phong để củng cố hòa bình cho đất nước. Thời tiền Nguyễn, sau khi đại phá quân Thanh, Quang Trung đại đế vẫn phải sai sứ sang Tàu cầu phong, xin triều phục và hỏi vợ (công chúa Thanh Triều) vào năm 1792. Các trường hợp Nam tiến và nội loạn cũng tương tự: Luôn luôn xử dụng chính sách Tiên lễ Hậu Binh và thường chỉ động võ trong những trường hợp bất khả kháng. Đó chính là những căn bản của tinh thần Việt trong ý thức dân tộc. Luôn luôn hiếu hòa, nhưng bị dồn vào thế đề kháng, sẵn sàng chiến đấu để tự tồn với tinh thần hy sinh cao độ, biểu dương tối đa những đức tính và tiềm năng

cần cù nhẫn nại, chịu đựng gian khổ với tinh thần kỷ luật, quả cảm. Ý thức dân tộc cao, nên trải qua nhiều thế hệ, đã tạo thành thói quen, đồng thời luôn luôn trau dồi mọi khả năng bảo quốc để tự tồn, nên đã trở thành tiềm năng của người Việt trong mọi bối cảnh lịch sử.

3. Sự phối triển tinh thần làm việc và tinh thần hưởng thụ của người Việt.

Có người (ngoại quốc) khen người Việt chăm chỉ, có người (ngoại quốc) chê người Việt lười biếng, có người phàn nàn quan niệm làm việc và hưởng thụ của người Việt không dứt khoát như người Tây phương, nên vừa làm vừa chơi

Thật ra, quan niệm làm việc và hưởng thụ của người Việt là một quan niệm tổng hợp và phối triển: Làm ra làm, chơi ra chơi, trong chơi có làm, trong làm có chơi, chơi không phải chỉ là thuần lý hoặc thuần tình như người Tây phương. Do đó, thật khó tìm được một nhân vật Việt Nam nào điển hình về Chơi trong Việt sử có phong độ như Lý Thiết Quài, nhóm Trúc Lâm thất hiền, Lý Bạch, Rimbaud, Verlaine... như của Tàu và của Pháp. Trái lại, những danh sĩ Việt Nam như Nguyễn Trãi, Nguyễn Công Trứ Nguyễn Khuyến, Nguyễn Thiệp, Tản Đà... tuy nổi tiếng về Chơi, nhưng đồng thời cũng là những người Làm có tinh thần trách nhiệm nhất. Thậm chí, tới cả những nhân vật trào lộng nổi tiếng nhất như Cống Quỳnh, Ba Giai, Tú Xuất ... đều là những người có quan niệm làm việc vững chắc và có tinh thần trách nhiệm hơn ai hết. Tinh thần tam giáo đồng nguyên (Nho - Phật - Đạo) mặc dầu có xuất xứ từ Trung Hoa, nhưng đã được tiếp nhận và tiếp thụ tinh lý ở Việt Nam hơn cả ở Trung Hoa, chính vì phù hợp với nếp sống của dân tộc Việt hơn nguyên quốc. Sự phối triển tinh thần làm việc và tinh thần hưởng thụ của người Việt được thể hiện ở ngay điệu hò xay lúa, hò giã gạo, hò kéo gỗ, hát mái chèo (Bắc), hò mái đẩy (Trung), hò chèo đò (Nam), hò dệt vải, hò quay tơ ... Thậm chí, tới cả việc binh, cũng xen lẫn cả một điệu hát đặc biệt là hát trống quân, xuất hiện từ thời Quang Trung Đại Đế.

Việc nước việc nhà, nợ nước, nợ tình thường pha trộn trong nếp sống của người Việt, như trường hợp Nguyễn Công Trứ trên đường công tác chợt gặp lại người yêu (đào rượu) củ.

Giang sơn nữa gánh giữa dòng

Thuyền duyên ứ hự, anh hùng nhớ không ?

Chính do sự phối triển này, người Việt được quy kết với 11 đặc tính khá tương phản:

1. Đa cảm (nên đa tình, ham chơi)
2. Háo danh, thích phô trương (khi hưởng thụ)
3. Nông nổi, thiếu kiên nhẫn (trạng thái Làm và Chơi hỗn độn)
4. Cần cù nhẫn nại (khi nhu cầu công việc chi phối, thúc bách)
5. Có sức chịu đựng nặng nhọc bền bỉ (thói quen chịu đựng, truyền thống)

6. Khi ra trận: Kỷ luật, quả cảm (tinh thần tập thể cao)
7. Lúc thường: Có vẻ nhút nhát, khiếp sợ với nếp sống dĩ hòa di quý (nhưng chỉ là có vẻ thôi, khi không có lý do gì phải tranh đấu để tự tồn)
8. Mê cờ bạc, thích chơi bời (thói xấu chung của nhiều dân tộc, nhưng riêng dân tộc Việt, mặc dầu là tính xấu phổ thông nhưng vẫn không được coi là một nghề nghiệp như với nhiều dân tộc khác)
9. Ham kiện cáo (với đẳng cấp trung lưu thôi, vì người nông dân Việt vốn hay an phận thủ thường, và thường thụ động trước các bất công)
10. Tinh vật (mặt trái của thông minh khi không được hướng dẫn đúng mức).
11. Quý quýệt (phần nào thôi, vì nhiều khi khị mắc mưu ngoại bang để chuốc lấy bài học đắt giá, như dân chúng thời Hồ với quân Minh, dân chúng thời Trịnh Mạt với đạo quân Tôn Sĩ Nghị)

Tóm lại, sau khi phân tích 20 đặc tính của người Việt, chúng ta phải khách quan thừa nhận rằng, người Việt nhiều ưu điểm hơn nhược điểm, và đa số nhược điểm chỉ có tính cách nhất thời biểu dương một trạng thái tâm lý Không bình thường của một nhóm người, một đẳng cấp xã hội trong một bối cảnh lịch sử giới hạn.

B. LƯỢNG GIÁ CÁC NHẬN ĐỊNH NGOẠI QUAN ĐIỂN HÌNH VỀ NGƯỜI VIỆT:

Rất nhiều nhận định ngoại quan phê phán về người Việt và tinh thần Việt. Ở đây chúng ta chỉ ghi nhận và nêu lên những nhận định ngoại quan điển hình:

1. Người Việt Nam có mềm yếu, thụ động không?

Không, vì đó chỉ là giả tướng. Ông Pujarniscle đã bào chữa và phủ nhận vấn đề trên, cho đó chỉ là sự mềm dũ, tính kiên nhẫn, tính âm ngôn của **Tinh Thần Cây Tre**; ngã mà không gãy.

Hình ảnh này đã được ông M. Pujarniscle diễn tả và nhận định rất chính xác bằng một đoạn văn dưới đây:

Người Việt Nam, mà một vài quan sát viên nông nổi gán cho là mềm yếu và thụ động, trái lại đã không phải không có cá tính, lòng bền bỉ, sự kiên quyết. Danh từ cương quyết có thể làm nhiều người ngạc nhiên, vì theo quan niệm Tây Phương, chúng ta biểu hiện sự cương quyết dưới một hình thức cốt yếu hoạt động và dường như bộc lộ. Đối với chúng ta, đó là một sức mạnh bề vững bất cứ vật gì bất gặp, dù chính mình có bị bề vỡ.

Tinh cương quyết của người Việt Nam có nhiều điểm khác, trước hết đây là sự mềm dũ, tính kiên nhẫn, tính âm ngôn. Con đường được chọn để đưa đến kết quả, không phải luôn luôn là con đường thẳng; tuy nhiên vẫn đạt tới đích trong thời gian cần thiết. Đây không

phải là sự cương quyết của cây sến đứng đầu bảo táp, mà là của cây sậy hay đúng hơn, của cây tre rất mềm mại nhưng rất cứng rắn, mà người Việt Nam gọi là quân tử, chắc chắn là do cây tre ngã xuống mà không gãy, điều này đã tạo lập trước mắt họ một đạo lý quân tử siêu phàm (suprême Sajesse).

(trích trong bài khảo sát lịch sử Việt Nam của Phạm Quỳnh)

Như vậy, tinh thần **Cây tre**, sức mạnh tinh thần tiên khởi của dân tộc Việt, thực ra là tinh thần gì?

Cứng mà mềm mại, đổ mà không gãy đó là hai đặc tính của sức mạnh tinh thần Việt do ông Pujarniscle đã tìm thấy. Nhưng thật ra, ý nghĩa của tinh thần cây tre còn đi xa hơn. Nó vừa tượng trưng cho Hư Tâm (lòng rỗng không) theo Lão Trang vừa biểu hiện cho tinh thần Quân Tử của Khổng Tử và tinh thần Đại Trượng Phu của Mạnh tử.

Nó phối hợp cả hai nguyên lý: Cứng mềm, phải quấy, tốt xấu của Lễ Đạo. Nó biểu hiện tinh thần Cương Nhu phối triển của người Việt: Trong cứng có mềm, trong phải có quấy, trong tốt có xấu, và ngược lại như trong dương có âm, trong âm có dương.

Sức mạnh tinh thần này đối chiếu với sự tồn tại của dân tộc Việt, càng rõ: Tiên nhân chúng ta thường xuyên thực hiện chủ trương Bắc Hòa - Nam Tiến để tồn tại. Bởi vậy, trong chiến có hòa, trong hòa có chiến; mỗi lần thắng xong một nạn Bắc xâm, tiên nhân ta lại xin thần phục, phong vương và triều cống để rảnh tay đối phó với mặt Nam. Mặt khác, trong cuộc Nam tiến, dân tộc Việt cũng đi thật chậm theo kế hoạch Tầm Ăn Dâu: Thắng xong, đòi cắt thêm đất chuộc tội, rồi lại nghỉ ngơi dưỡng quân và nuôi dân một thời gian trước khi tiếp tục thực hiện kế hoạch Nam tiến từng chút một, đến thành công.

2. Người Việt Nam thích tự hào về quá khứ, hơn là tập trung nỗ lực hướng về tương lai:

Đúng, Dân tộc Việt Nam tuy không như dân tộc Hoa Kỳ hãnh diện vì sự tiến bộ của mình bắt nguồn từ lý do: Vì không mang một gánh nặng lịch sử trên vai, nhưng vẫn cố gắng phối triển truyền thống văn hiến, đời sống thực tại với những kỳ vọng tương lai. Tuy nhiên, khi nói đến tập trung nỗ lực của một quốc gia nhược tiểu, không bao giờ vượt quá tài nguyên (trong sản lượng quốc gia) và nhân lực của chính quốc gia đó. Đó là chưa kể những áp lực quốc tế đối với các quốc gia nhược tiểu, hoặc để làm gia tăng, hoặc làm suy giảm khiến những nỗ lực hướng về tương lai của quốc gia bị giới hạn rất nhiều. Do đó, theo tâm lý thông thường niềm an ủi duy nhất cho một quốc gia nhược tiểu khi gặp thế kẹt do các cường quốc tạo ra là, cố gắng cách nào để âm thầm nuôi dưỡng ý chí tiến tới tương lai bằng những niềm an ủi về các bài học lịch sử quá khứ. do đó, niềm tự hào về quá khứ có giá trị như một nguồn an ủi, một liều thuốc kích lệ tinh thần chịu đựng cho con người, trong một giai đoạn nào đó của lịch sử và đồng thời cũng là một gương soi để

dân tộc đó cầu tiến, hầu cố gắng cách nào để có thể Làm sao cho hơn thời xưa, trong một cảnh huống tràn đầy khó khăn, phức tạp vượt lên khỏi sức chịu đựng bình thường.

3. Dân tộc Việt Nam là một dân tộc chia rẽ, nhiều hãnh tiến và không thực tế?

Cũng đúng, nhưng chỉ đúng với hoàn cảnh hiện tại của Việt Nam, vì những lý do:

Về chia rẽ: Chia rẽ hay đoàn kết không phải là cốt tính của một dân tộc, vì dân tộc nào mà chẳng có lúc chia rẽ, có lúc đoàn kết. Đoạn mở đầu của bộ Tam Quốc Chí, La Quán Trung đã có một nhận định khẳng định về luật sinh tồn của một quốc gia rất hữu lý, khi lập luận: Phàm cái thế lớn trong thiên hạ, hợp lâu lại chia, chia lâu lại hợp (Phàm thiên hạ đại thế, hợp cửu tất ly, ly cửu tất hợp). Không phải chỉ riêng dân tộc Việt Nam mới có tệ trạng này, hầu hết các dân tộc trên thế giới đều như thế cả.

Nhiều tính hãnh tiến: Dân tộc nào mà chẳng có tính hãnh tiến? Trung Hoa, Đại Hàn, Nhật Bản, Hoa Kỳ...đều có tính này, nhưng vì trong hiện tại, họ có nhiều ưu điểm thành công hơn chúng ta nên được coi là Hãnh tiến hợp lý (nhất là về đời sống vật chất), trong lúc chúng ta chỉ còn sự hãnh tiến về truyền thống lịch sử (vì hiện tại, dân tộc Việt đang bị chiến tranh làm suy yếu), tức thuộc văn minh tinh thần. Chính sự hãnh tiến này đã nuôi sống và bồi dưỡng ý hướng tương lai của dân tộc, trong mọi hoàn cảnh bi đát nhất, nên đôi khi đã trở thành không hợp lý và lỗi bịch, với những quốc gia tiền tiến. Tuy nhiên, chúng ta cần phải tiết giảm tối đa những quá độ của trạng thái tinh thần này, mới có thể thích ứng với hoàn cảnh hiện tại của dân tộc khi hội nhập vào cộng đồng thế giới.

Không thực tế: cũng đúng nữa, trong phạm vi Văn Minh Vật Chất, vì dân tộc Việt vốn chịu ảnh hưởng sâu đậm về văn minh tinh thần, nên thiếu nhiều khả năng kiến tạo văn minh vật chất.

4. Người Việt Nam thiếu tinh thần khoa học thực dụng?

Một luồng dư luận ngoại quốc khác nữa thường phàn nàn là người Việt Nam yếu kém về tinh thần khoa học thực dụng, trong lúc trình độ khoa học nhân văn chỉ có tính cách tổng hợp và mơ hồ, nhưng chỉ phát huy mạnh về huyền học và dị đoan.

Tất nhiên, một nhận định phát xuất từ xã hội Tây phương không thể không bị ảnh hưởng ở ngay chính những cơ cấu tổ chức khác với mình, Luận Giả thường đặt xã hội vào trong bối cảnh tìm hiểu của mình để quan sát, nên khó tránh được thiên lệch. Ví dụ: Hy Lạp, Ai Cập là những quốc gia có trình độ văn minh thượng cổ cao, nhưng bây giờ khác hẳn, chính là vì yếu kém về tinh thần khoa học thực dụng đồng thời với trình độ khoa học nhân văn tổng hợp và mơ hồ, có lẽ đúng. Nhưng Do Thái và Việt Nam khác hơn, vì phần lớn khả năng lịch sử của hai quốc gia này dùng vào công việc chiến đấu để tự tồn trước các hiểm họa ngoại xâm, nên không thể tập trung khả năng vào những công việc có giá trị lâu dài. Vì là nước nhỏ bị dồn ép giữa cá áp lực quốc tế, quốc gia Do Thái bị chiếm đoạt, dân tộc Do Thái phai lưu vong thất tán; Việt Nam phải cố gắng để tự tồn tới mức tối

đa, mới có thể tồn tại như ngày nay, trong lúc một số dân tộc khác bị thống trị và đồng hóa: Mông, Hồi, Mãn, Tạng đồng hóa với Trung Quốc. (Hán), riêng Ngoại Mông bị sáp nhập vào Nga Xô; Chiêm Thành, Bồn Man và Thủy Chân Lạp đồng hóa với Việt Nam. Công cuộc chiến đấu để tự tồn đã chiếm đa số thời lượng lịch sử của dân tộc, kể cả những công cuộc chiến đấu với thiên nhiên (bão lụt, đói kém, hạn hán...) liên tục trong lịch sử. Ngoài ra, Việt Nam còn là giao điểm của ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ và China, nên không thể không nhận chịu ảnh hưởng.

Khoa học thực dụng do đó phải nhường chỗ cho nhu cầu sinh tồn. Thời Thanh xâm, Tôn Sĩ Nghị rất tự hào về hỏa lực hùng hậu (sang pháo) đè bẹp hỏa lực Nam Quân sự của Vua Quang Trung. Trong trường hợp này, Quang Trung đã khai dụng triệt để tinh thần Trần Hưng Đạo dĩ đoản thắng trường vào chiến tranh: Ông bện bún rom vào những mảnh phên tre cho từng toán từ 10 đến 20 người một khiêng chạy xuyên qua màn hỏa lực địch tiến lên sát chiến bằng đoản đao (trận Hà Hồi). Ở đây, tinh thần chế biến thực dụng đã thay thế được khả năng khoa học thực dụng. Vài trường hợp khác: Cha con Hồ Quý Ly - Hồ Nguyên Trừng đã chế biến được thuốc súng, nhưng không dùng vào mục tiêu diệt sinh mà dùng vào mục tiêu dưỡng sinh, thành pháo. Người Tàu khai triển. Tây Phương khai thác sang mục tiêu diệt sinh thành thuốc súng, phối hợp với kỹ nghệ luyện kim tân tiến của họ mà thành hùng mạnh.

5. Như vậy, khoa học thực dụng được đánh giá từ gốc hay từ ngọn?

Trong hiện tình, tiềm năng khoa học thực dụng của Việt Nam dù phong túc nhưng vẫn chưa có hoàn cảnh thoát ra khỏi tình trạng ấu trĩ: Ví dụ: một kỹ sư điện tử du học tại Gia Nã Đại có khả năng điện tử, được Viện Đại Học sở quan cấp cho 1 phòng thí nghiệm 4 triệu mỹ kim, nhưng nếu cũng kỹ sư sinh viên này học ở Việt Nam thì sao? Tất nhiên, tài nguyên quốc gia không thể đài thọ nổi, khả năng của kỹ sư sinh viên kia đành giới hạn trong một phạm vi nào đó, rồi đành thui chột với thời gian.

- Do đó, sự khẳng định về nhược điểm này có phần hữu lý và phần vô lý của nó.

Hữu lý: Vì nếu đánh giá con người chỉ là sản phẩm của giáo dục, và chính nền giáo dục của mỗi quốc gia sẽ quy định sự đào tạo tinh thần khoa học của dân tộc đó. Trên thực tế, Việt Nam là một quốc gia có nền giáo dục từ chương cử tử, thiếu hẳn tinh thần khoa học thực dụng, nên không thể ngạc nhiên rằng người Việt có tinh thần khoa học thực dụng.

- Vô lý: Vì Việt Nam chỉ là một nước nhỏ nằm trong khu vực văn hóa Ấn Độ - China, nên không thể nào thoát khỏi ảnh hưởng nền văn Hóa Ấn Độ - China, do đó, hội nhập tinh hoa giáo dục từ chương cử tử của hai nước này. Bởi vậy, chỉ có nền giáo dục Việt Nam cổ truyền thiếu tinh thần khoa học thực dụng chớ không có trường hợp người Việt thiếu tinh thần thực dụng.

TINH THẦN VIỆT HIỆN ĐẠI:

Người có khi trẻ khi già, voi có lúc khỏe lúc yếu, đạo có khi thắng khi trầm, việc có khi thành khi bại, nước lúc mạnh lúc yếu. Mặc dầu chấp nhận luật diễn hóa với những chu kỳ tương phản như vậy, chúng ta vẫn vững tin ở tiền đồ dân tộc với tinh thần Nguyễn Trãi tuy cường nhược thời hữu bất đồng, như hào kiệt thể vi thường pháp. (mạnh yếu đôi khi tuy khác nhau, nước ta nào đã thiếu anh hào.)

Chúng ta chấp nhận luật sinh tồn với những chu kỳ diễn hóa của nó.

Chúng ta tôn trọng những giá trị lịch sử và truyền thống của dân tộc.

Chúng ta bảo vệ những tinh hoa, ưu điểm; lọc bỏ những khuyết điểm, bồi dưỡng những nhược điểm.

Chúng ta thường xuyên phối triển tinh hoa văn hóa du nhập với tinh hoa văn hóa truyền thống.

Chúng ta nhất quyết bồi dưỡng tương lai dân tộc và vững tin ở tiền đồ dân tộc.

Tất cả đó, sẽ tạo ý chí Việt, ý chí Việt thoát thai từ tinh thần Việt. Tinh thần Việt xuất phát từ nghị lực Việt. Tất cả, do người Việt mà có, do người Việt mà đến, để làm sáng danh dân tộc Việt trước nhân loại.

Đó là niềm tin Việt Võ Đạo và cũng là niềm tin của toàn thể dân tộc trong sứ vụ làm hưng khởi một nguồn sống mới của dân tộc Việt Nam.